TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19-02-2020
V/v Không công nhận quan hệ giữa chị Q và anh H là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Yến;

2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 611/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về "Không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị Q, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 17, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Đại chỉ : Thôn 17, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2019, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị DươngThị Q trình bày: Chị và anh Lê Văn H tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong

cuộc sống. Cuối năm 2015 chị và anh H chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị và anh H là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh H có 02 con chung là Lê Văn Phải, sinh năm 2000 và Lê Thị Hồng, sinh năm 2001. Các cháu đã trưởng tHnh và khỏe mạnh, phát triển bình thường nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai, bị đơn anh Lê Văn H trình bày*: Về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị Q trình bày là đúng. Anh và chị Q không đăng ký kết hôn. Nay chị Q đề nghị giải quyết không công nhận quan hệ giữa anh và chị Q là vợ chồng, anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Q có 02 con chung như chị Q trình bày là đúng. Các cháu hiện vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng tHnh nên anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh không đề nghị giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến*:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Về phía các đương sự, chấp Hnh nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử không công nhận quan hệ giữa chị Dương Thị Q và anh Lê Văn H là vợ chồng.

Về con chung, tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất giải quyết về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Q và anh Lê Văn H tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên chị Q xác định

tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được và đề nghị giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị và anh H là vợ chồng. Anh H không có ý kiến gì và cũng nhất trí như đề nghị của chị Q. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Q và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình, xử Không công nhận quan hệ giữa chị Q và anh H là vợ chồng.

Về con chung, tài sản và công nợ chung các đương sự yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228; khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Dương Thị Q và anh Lê Văn H là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, xác nhận chị Q đã nộp đủ tại biên lai thu số AA/2017/0004426 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện L.

3. Báo cho đương sự có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến **Nguyễn Xuân Chung** **Tạ Thị Thu Thủy**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Y, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy